

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số phiếu: 02234/2023/PKQ(23.1711)



- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương
- Địa chỉ : Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Ngày lấy mẫu : 19/06/2023
- Ngày trả kết quả : 12/07/2023
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N260623-062	NT1	Mẫu nước thải trước xử lý (X=2317770; Y=585754)	Nước thải
2	N260623-063	NT2	Mẫu nước thải sau xử lý (X=2317772; Y=585756)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. KPT: Không phân tích



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: N260623-062-063)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/BTNMT		QCVN 14:2008/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột B	Cmax, Kq=0,9; Kf=1,1	Cột B	Cmax K=1,2
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,7	7,5	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9	5 - 9	5 - 9
2	TDS ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	427	361	-	-	1.000	1.200
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	184,8	5,8	50	49,5	50	60
4	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	287,2	18,9	150	148,5	-	-
5	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	46	22	100	99	100	120
6	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL = 0,002)	KPH (MDL = 0,002)	0,1	0,099	-	-
7	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/l	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL = 0,0007)	KPH (MDL = 0,0007)	0,01	0,0099	-	-
8	DO ^(b)	mg/l	TCVN 7325:2016	0,99	3,7	-	-	-	-
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,03)	KPH (MDL = 0,03)	0,5	0,495	-	-
10	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	1,79	5,72	-	-	50	60
11	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	TCVN 6193(A):1996	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	0,1	0,099	-	-
12	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,20	1,02	-	-	10	12
13	Dầu mỡ ĐTV ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	KPH (MDL = 0,3)	-	-	20	24
14	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540 B&C:2017	0,13	KPH (MDL = 0,020)	-	-	10	12
15	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	39,51	10,93	40	39,6	-	-
16	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	2,48	1,66	6	5,94	-	-

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- KPT: Không phân tích.

BM/TT7.8-01

Ban hành lần: 03

Ngày có hiệu lực: 17/04/2023



17	Coliforms ^(a,b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	2,2 x 10 ³	KPH	5.000	5.000	5.000	-
----	----------------------------	---------------	---------------------	-----------------------	-----	-------	-------	-------	---

Chú thích:

(a)- Thông số được chứng nhận VLat;

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- $C_{max} = C_x K_q \times K_f$, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$;

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- $C_{max} = C_x K$, $K = 1,2$.

- N260623-062: Mẫu nước thải trước xử lý (NT1)

- N260623-063: Mẫu nước thải sau xử lý (NT2)

PHỤ TRÁCH PTN

Thuan

Đỗ Thị Thuý Vân

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Kết nối mạnh - Nối thành công

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

5. KPH: Không phát hiện.

6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

7. KPT: Không phân tích

BM/TT7.8-01

Ban hành lần: 03

Ngày có hiệu lực: 17/04/2023

Trang 3/3



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số phiếu: 02231/2023/PKQ(23.1711)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương
2. Địa chỉ : Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
4. Ngày lấy mẫu : 19/06/2023
5. Ngày trả kết quả : 12/07/2023
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT260623-030	KT	Tại ống khói lò hơi (X=2317713; Y=585736)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường
Thịnh Trường Phát lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện.
6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
7. KPT: Không phân tích



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: KT260623-030)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT	
				KT	Cột B	Cmax
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	64,1	200	120
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	0,128	50	30
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	369,7	1.000	600
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	4,38	500	300
5	NO _x _NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.06	54,4	850	510

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- Cmax: $K_p = 1$, $K_v = 0,6$

- KT260623-030: Tại ống khói lò hơi (KT)

PHỤ TRÁCH PTN

Đỗ Thị Thuý Vân

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. KPT: Không phân tích

